TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Trần Ngọc Tường Vi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1989; HKTT: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; HKTT: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 26/3/2018, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông N chung sống với nhau từ năm 2009.

Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 22/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi lẫn nhau, không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà L thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà L và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Huy V, sinh ngày 13/7/2010. Bà L đồng ý giao con chung cho ông Ntrực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ mà bà L giao nộp*: 01 đơn khởi kiện ngày 26/3/2018; 01 bản sao giấy CMND và Sổ hộ khẩu của nguyên đơn; 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 bản tự khai ngày 26/3/2018; 01 bản sao giấy khai sinh Nguyễn Huy V, sinh ngày 13/7/2010. Ngoài ra, bà L không cung cấp ý kiến hay chứng cứ gì khác.

**** Bị đơn (ông N)***:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định để ông N biết và tham gia giải quyết vụ án nhưng ông N cố tình vắng mặt không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến của ông N. Ông N đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh nơi cư trú của các đương sự về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông N, đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng thì ông N có chơi cờ bạc, đá gà, … nhưng chưa bị xử lý. Hiện nay, bà L và ông N cũng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Con chung là cháu Nguyễn Huy V hiện đang sống cùng ông N nhưng ông N không cho gặp mặt nên không thu thập được ý kiến, nguyện vọng của con chung là cháu V.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L đã có mặt. Bị đơn ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông N là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông N theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ

tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có mặt. Bị đơn ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông N thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn ông N là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện bị đơn ông N về việc ly hôn và yêu cầu giao cho bị đơn ông N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huy V, sinh ngày 13/7/2010, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông N có nơi cư trú tại Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông N chung sống với nhau từ năm 2009. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 22/3/2016 tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa bà L và ông N là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Bà L và ông N thường xảy ra mâu thuẫn, theo bà L nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên chơi cờ bạc, đá gà… không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con; ngược lại ông N không tham gia vào quá trình tố tụng, không có ý kiến phản bác lại ý kiến của bà L. Bà L xác định vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng với ông N nên không thể chung sống với nhau được nữa nên muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 53, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật.

[3.2] *Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà L và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Huy V, sinh ngày 17/3/2010. Tại phiên tòa, bà L đồng ý

giao con chung tên Nguyễn Huy V cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng và bà L không cấp dưỡng nuôi con. Ông N không có ý kiến về việc người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện, cháu V đang sinh sống cùng với ông N nhưng ông N không cho gặp mặt cháu V để xem xét nguyện vọng của con chung sống với ai. Bà L xác định sau ly hôn, bà L sống nhờ tại nhà của mẹ ruột nên có khó khăn về nhà ở nên có ý kiến giao cháu V cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng, ý kiến của bà L là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L xác định hiện hoàn cảnh khó khăn nên không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Văn N, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn N.

2. *Về con chung*: Giao cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huy V, sinh ngày 13/7/2010. Bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011587 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/9/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng